

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 66/2021/HS-ST
Ngày: 01-7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Đình Kiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thành
Ông Phạm Xuân Đính

- Thư ký phiên toà: Bà Hồ Thị Thanh Phương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2021 tại Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

MAI THỊ H, sinh ngày 29 tháng 7 năm 1990, tại: Thanh Hóa; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Nơi cư trú và chỗ ở: Ấp V, xã P, huyện H1, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Mai Văn T (đã chết) và bà Lê Thị H2, sinh năm 1965; Chồng là ông Bùi Văn C, sinh năm 1988; Hiện nay bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/02/2021 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Thị V, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Ấp S, xã M, huyện H1, tỉnh Bình Phước. (xin vắng mặt)

Người làm chứng:

1. Anh Ngô Quang V1, sinh năm 2004; Địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã T1, huyện H1, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

2. Bà Tạ Thị Phương D, sinh năm 1991; Địa chỉ cư trú: Ấp Q, xã T2, huyện H1, Bình Phước. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Thị H và chị Thị V, sinh năm 1989, nơi cư trú: Ấp S, xã M, huyện H1, tỉnh Bình Phước cùng là công nhân của Công ty TNHH LongFa thuộc Khu công nghiệp Minh Hưng III, địa chỉ: Ấp 3B, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Ngày 25/01/2021, do có nhu cầu vay tiền nên chị V được H giới thiệu cho một thanh niên tên M1 (không rõ nhân thân, lai lịch) là nhân viên Công ty tài chính FE Credit để chị V làm hồ sơ vay số tiền 28.000.000 đồng. Sau khi làm xong hồ sơ, chị V nhờ H nhắn tin hỏi anh M1 khi nào giải ngân số tiền 28.000.000 đồng. H nhắn tin hỏi thì anh M1 trả lời sẽ giải ngân số tiền 28.000.000 đồng cho chị V vào ngày 01/02/2021 và tiền sẽ được chuyển trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của chị V. Đến khoảng 16 giờ ngày 26/01/2021, chị V vội đưa thẻ ATM số 9704036780881557, số tài khoản 050076167033 mở tại Ngân hàng Sacombank để chị Tạ Thị Phương D, sinh năm 1991, nơi cư trú: Ấp Q, xã T2, huyện H1 đi rút giúp số tiền 600.000 đồng về sử dụng. Chị D hỏi mật khẩu ATM thì chị V nhờ H nhắn tin giúp, do vậy H biết mật khẩu ATM của chị V. Trước đó, H có vay số tiền 6.000.000 đồng của một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) tại khu vực thị trấn T, huyện H1 với lãi suất cao. Đến thời hạn trả tiền nhưng H không có tiền trả. H biết chị V vay số tiền 28.000.000 đồng của Công ty tài chính FE Credit sẽ được giải ngân vào ngày 01/02/2021 và biết mật khẩu thẻ ATM của chị V nên nảy sinh ý định lấy trộm thẻ ATM của chị V để lấy trộm số tiền 28.000.000 đồng trong tài khoản. Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 27/01/2021, lợi dụng chị V đi lấy nguyên liệu để làm việc, H lấy trộm thẻ ATM của chị V để trong giỏ nhựa đựng đồ dùng cá nhân đặt tại vị trí làm việc rồi cất giấu vào giỏ xách của H. Đến khoảng 8 giờ 00 phút ngày 01/02/2021, H tiếp tục nhắn tin hỏi anh M đã giải ngân số tiền 28.000.000 đồng cho chị V chưa thì anh M trả lời đã giải ngân và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của chị V. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, H đến trụ ATM của ngân hàng Sacombank tại Khu công nghiệp Minh Hưng – Hàn Quốc thuộc ấp 3A, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành rồi dùng thẻ ATM đã trộm được của chị V rút lấy trộm số tiền 28.000.000 đồng trong tài khoản của chị V. Cụ thể, lần đầu H rút số tiền 10.000.000 đồng, lần thứ hai V rút số tiền 10.000.000 đồng, lần thứ ba H rút số tiền 8.000.000 đồng. Sau đó, V về Công ty TNHH LongFa và đưa thẻ ATM của chị V vội cho bảo vệ của công ty là anh Ngô Quang V1, sinh năm 2004, nơi cư trú: Ấp 6, xã T1, huyện H1, tỉnh Bình Phước và nói dối là H đã nhặt được tại khu vực nhà để xe của công ty LongFa. Số tiền 28.000.000 đồng lấy trộm của chị V, H mang đi trả nợ và tiêu xài hết số tiền 10.800.000 đồng, số tiền 17.200.000 đồng còn lại H mang về nhà cất giấu. Đến ngày 02/02/2021, phát hiện bị mất tiền nên chị V đến Cơ quan Công an trình báo sự việc.

Việc thu giữ đồ vật tài liệu và xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã tạm giữ:

+ 01 thẻ ATM của ngân hàng Sacombank có số 9704036780881557, mang tên Thị V.

+ Số tiền 17.200.000 đồng Mai Thị Hgiao nộp. Số tiền này là số tiền còn lại sau khi Hương tiêu sài số tiền 28.000.000 đồng chiếm đoạt trong tài khoản chị Vươi.

Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu, như sau:

+ Trả lại cho chị Thị V số tiền 17.200.000 đồng mà H đã chiếm đoạt trong tài khoản của chị V.

+ Trả lại cho chị V01 thẻ ATM của ngân hàng Sacombank có số 9704036780881557, mang tên Thị V.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 08/02/2021, bị hại chị Thị V đã nhận số tiền 10.800.000 đồng do H bồi thường. Chị Vươi không có yêu cầu bồi thường gì khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Bản cáo trạng số 64/CTr-VKS, ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Mai Thị Hương phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Mai Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Các Điểm b, i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Mai Thị H mức án từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

Bị cáo Mai Thị H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận và kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Bị hại, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, việc vắng mặt bị hại, người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ vào các Điều 292; 293 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về hành vi phạm tội và tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo.

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cũng như phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Mai Thị Hvà chị Thị Vcùng làm việc tại Công ty TNHH LongFa. Ngày 25/01/2021, Hgiới thiệu cho chị Vmột thanh niên tên Mỹ (không rõ nhân thân, lai lịch) là nhân viên Công ty tài chính FE Credit để chị Vlàm hồ sơ vay số tiền 28.000.000 đồng.

Ngày 26/01/2021, chị Vđưa thẻ ATM số 9704036780881557, số tài khoản 050076167033 mở tại Ngân hàng Sacombank để chị Tạ Thị Phương Điđi rút giúp số tiền 600.000đồng về sử dụng. Chị Vnhờ Hương nhấn tin mật khẩu ATM cho chị D nên Hbiết mật khẩu ATM của chị V. Vì Hcó vay số tiền 6.000.000 đồng đến thời hạn trả tiền nhưng Hkhông có tiền trả và Hbiết mật khẩu thẻ ATM của chị Vươi, số tiền 28.000.000 đồng của Công ty tài chính FE Credit sẽ được giải ngân vào ngày 01/02/2021 nên nảy sinh ý định lấy trộm số tiền 28.000.000 đồng trong tài khoản của chị V.

Ngày 27/01/2021, lợi dụng chị Vđi lấy nguyên liệu để làm việc, Hlấy trộm thẻ ATM của chị Vđể trong giỏ nhựa đựng đồ dùng cá nhân đặt tại vị trí làm việc rồi cất giấu vào giỏ xách của H.

Ngày 01/02/2021, Hbiết số tiền 28.000.000 đồng đã được giải ngân vào tài khoản ngân hàng của chị V. Đến khoảng 16 giờ 30 phút, Hương đến trụ ATM của ngân hàng Sacombank tại Khu công nghiệp Minh Hưng – Hàn Quốc rồi dùng thẻ ATM đã trộm được của chị Vrút 03 lần tiền được tổng số tiền 28.000.000 đồng có trong tài khoản của chị V. Số tiền 28.000.000 đồng lấy trộm của chị V, Hmang đi trả nợ và tiêu xài hết số tiền 10.800.000 đồng, số tiền 17.200.000 đồng còn lại Hmang về nhà cất giấu.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tổng số tiền 28.000.000đồng của bị cáo Hđủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; Có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Do đó, Cáo trạng số: 64/CTr-VKS, ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Hương phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo là phụ nữ đang có thai, đã bồi thường cho người bị hại và người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có con còn nhỏ. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các Điểm b, i, n, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, giáo dục bản thân trở thành công dân tốt. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự tuyên hình phạt tù cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tại phiên tòa là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cũng thể hiện tính nhân văn, khoan hồng của Nhà nước đối với bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là công nhân, hiện nay có thai và đang nuôi con nhỏ, dịch bệnh Covid 19 ảnh hưởng đến việc làm và thu nhập của bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại chị Thị Vĩ đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng của vụ án:

01 thẻ ATM của ngân hàng Sacombank có số 9704036780881557, mang tên Thị Vươi. Số tiền 17.200.000 đồng Mai Thị Hgiao nộp. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại cho chủ sở hữu là chị Vnên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[9]. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Mai Thị Hphạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2]. Về điều luật áp dụng: Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Các điểm b, i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3]. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Mai Thị H 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách của bị cáo H là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án 01/7/2021.

Giao bị cáo Mai Thị Hcho Ủy ban nhân dân xã P, huyện H1, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Mai Thị Hương có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[4]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Mai Thị Hphải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Quyền kháng cáo: Bị cáo Mai Thị Hđược quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị hại chị Thị Vđược quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- CCTHADS huyện Chơn Thành;
- CA huyện Chơn Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Đình Kiên